Lesson Sheet

A2 · Week 2 · Session 1 · a2-w02-s1 · v1 draft

At the Department Store and Supermarket

• Học sinh nhận biết và phân biệt được danh từ đếm được và không đếm được trong bối cảnh mua sắm tại siêu thị.

• Học sinh sử dụng chính xác từ chỉ số lượng 'some' và 'any' trong câu khẳng định, phủ định và câu hỏi nghi vấn.

Grammar: Countable & Uncountable Nouns with 'Some' and 'Any'

Danh từ đếm được (countable nouns) chỉ người hay vật có thể đếm từng cá thể (an orange, two apples). Danh từ không đếm được (uncountable nouns) chỉ chất lỏng, khối lượng hoặc khái niệm trừu tượng (milk, cheese, bread, rice). Ta dùng 'some' trong câu khẳng định hoặc lời mời/đề nghị; dùng 'any' trong câu phủ định và câu hỏi nghi vấn.

(+) S + have/need + some + N(pl) / N(uncount) | (-) S + don't/doesn't have + any + N | (?) Do you have any + N?

Khởi động và nhận diện từ vựng siêu thị · 10 phút
Học sinh xem tranh các quầy hàng trong siêu thị, nối từ vựng (trolley, aisle, dairy, cashier) với hình vẽ và phát âm to.

Học ngữ pháp danh từ đếm được - không đếm được & đọc hiểu · 15 phút
Học sinh phân loại danh từ vào bảng, đọc bài đọc về chuyến đi siêu thị của Oliver và trả lời câu hỏi đọc hiểu.

Luyện nghe hội thoại mua sắm và đóng vai · 15 phút
Học sinh nghe cuộc trò chuyện giữa Oliver và bố, sau đó bắt cặp thực hành hỏi - đáp tìm kiếm đồ vật dùng 'some/any'.

Viết đoạn văn ngắn và làm bài trắc nghiệm · 10 phút
Học sinh viết ghi chú về chuyến mua sắm gia đình (40-70 từ) và hoàn thành 8 câu hỏi củng cố kiến thức.

Vocabulary Worksheet

A2 · Week 2 · Session 1 · a2-w02-s1 · v1 draft

Viết nghĩa tiếng Việt và một câu của riêng con cho từng từ.

department store /dɪˈpɑːtmənt stɔː(r)/ (noun)
Nghĩa: _____
My sentence: _____

trolley /ˈtrɒli/ (noun)
Nghĩa: _____
My sentence: _____

aisle /aɪl/ (noun)
Nghĩa: _____
My sentence: _____

shelf /ʃelf/ (noun)
Nghĩa: _____
My sentence: _____

bakery /ˈbeɪkəri/ (noun)
Nghĩa: _____
My sentence: _____

dairy /ˈdeəri/ (noun)
Nghĩa: _____
My sentence: _____

receipt /rɪˈsiːt/ (noun)
Nghĩa: _____
My sentence: _____

cashier /kæˈʃɪə(r)/ (noun)
Nghĩa: _____
My sentence: _____

Grammar Worksheet

A2 · Week 2 · Session 1 · a2-w02-s1 · v1 draft

Countable & Uncountable Nouns with 'Some' and 'Any'

(+) S + have/need + some + N(pl) / N(uncount) | (-) S + don't/doesn't have + any + N | (?) Do you have any + N?

Choose the correct word: 'We need to buy _____ fresh apples.'
A. any
B. some
C. an

Choose the correct negative sentence:
A. There isn't some milk in the fridge.
B. There isn't any milk in the fridge.
C. There aren't any milk in the fridge.

Vận dụng

Viết 5 câu của riêng con sử dụng cấu trúc vừa học.

Reading Worksheet

A2 · Week 2 · Session 1 · a2-w02-s1 · v1 draft

A Saturday at the Supermarket

Every Saturday morning, Oliver goes to the local supermarket with his father. They take a metal trolley near the main entrance. First, Oliver pushes the trolley along aisle three to choose some fresh fruit. He picks six sweet apples and a bunch of yellow bananas. Next, they walk to the dairy section. Oliver's father puts two cartons of fresh milk and some cheese into the cart. Oliver asks if they can buy some strawberry ice cream, but his father checks their shopping list. There isn't any space in their home freezer today. Finally, they head to the cashier. The friendly cashier scans all the items and gives them a receipt. Oliver carries the paper bag happily.

What fruit does Oliver pick in aisle three?
A. Sweet apples and yellow bananas
B. Red strawberries and green grapes
C. Oranges and watermelon

Why don't Oliver and his father buy strawberry ice cream?
A. The supermarket has run out of ice cream.
B. It is too expensive for their budget.
C. There is no space in their home freezer.

Viết một điều con nhớ từ bài đọc:

Listening Worksheet

A2 · Week 2 · Session 1 · a2-w02-s1 · v1 draft

Looking for Groceries in the Supermarket

Lần nghe 1: Nghe để xác định hai bố con Oliver cần mua những món đồ nào và không mua món nào.
Lần nghe 2: Nghe kỹ vị trí của chùm nho xanh mà Oliver tìm thấy trong siêu thị.

Why doesn't Oliver's dad want to buy chocolate biscuits?
A. They already have two boxes of cookies at home.
B. Oliver does not like chocolate biscuits.
C. The bakery shelf is empty.

Where does Oliver find the green grapes in the listening dialogue?
A. Next to the bakery counter
B. Next to the apples in aisle two
C. Near the cashier at the entrance

Từ hoặc cụm từ con nghe được

Mở audio trên trang bài học. Transcript nằm trong Answer Key của phụ huynh.

Writing Worksheet

A2 · Week 2 · Session 1 · a2-w02-s1 · v1 draft

Write a short note (40-70 words) describing your family's grocery shopping trip.

Độ dài tham khảo: 40–70 từ.

• Câu 1: Thời gian và nơi em cùng gia đình đi mua sắm.

• Câu 2-3: Các món đồ đã mua (sử dụng some và any).

• Câu 4: Cảm xúc sau khi hoàn thành chuyến mua sắm.

Checklist

¡Sử dụng đúng cấu trúc 'some' và 'any'.

¡Liệt kê ít nhất 3 món hàng tại siêu thị.

¡Độ dài đoạn văn đạt từ 40 đến 70 từ.

Speaking Card

A2 · Week 2 · Session 1 · a2-w02-s1 · v1 draft

Practice talking about items you want to buy at the supermarket using 'some' and 'any'.

What items do you usually buy when you visit a supermarket?

Is there any fruit that you dislike eating?

Can you name some dairy products in your refrigerator?

Bố mẹ quan sát

¡Sử dụng chính xác 'some' trong câu khẳng định và 'any' trong câu phủ định hoặc câu hỏi.
¡Phát âm rõ ràng các danh từ đếm được số nhiều và danh từ không đếm được.

Từ vựng gợi ý

department store · trolley · aisle · shelf · bakery · dairy · receipt · cashier